TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2022
V/v tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thái Thành Nam.
2. Bà Huỳnh Thị Như Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc: "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh KC, sinh năm 1970 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp MH, xã MĐ, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn*: Ông Trần M, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp MH, xã MĐ, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh KC trình bày: Bà với ông Trần M chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1991 nhưng đến nay không đăng kí kết hôn. Từ năm 2004 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể nào hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Một.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Gia Hiệp, sinh ngày 20/4/2004. Do cháu Hiệp đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần M trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Huỳnh KC về thời gian chung sống vợ chồng, đến nay ông bà không có đăng ký kết hôn. Từ năm

2004 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh KC, ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông với bà KC là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Gia Hiệp, sinh ngày 20/4/2004. Do cháu Hiệp đã đủ 18 tuổi nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh KC với ông Trần M đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Huỳnh KC và ông Trần M sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991, đến nay tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh KC không công nhận bà KC với ông Một có quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Huỳnh KC với ông Trần M cùng thống nhất trình bày ông bà có 01 con chung tên Trần Gia Hiệp, sinh ngày 20/4/2004 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh KC và ông Trần M thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh KC phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh KC với ông Trần M là vợ chồng.

2. Về con: Bà Huỳnh KC với ông Trần M có một con tên Trần Gia Hiệp, sinh ngày 20/4/2004 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Huỳnh KC phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002504 ngày 27/4/2022 của KC cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTX C;
- CCTHADSTX C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTX C;
- CCTHADSTX C;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTX C;
- CCTHADSTX C;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 04 tháng 7 năm 2022.
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Thái Thành Nam.
Bà Huỳnh Thị Như Thủy.
Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2022/TLST-

HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về: " Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng" giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh KC, sinh năm 1970 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MH, xã MĐ, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông Trần M, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MH, xã MĐ, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật[8].

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh KC với ông Trần M là vợ chồng.

2. Về con: Bà Huỳnh KC với ông Trần M có một con tên Trần Gia Hiệp, sinh ngày 20/4/2004 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Huỳnh KC phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002504 ngày 27/4/2022 của KC cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 04 tháng 7 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

‘

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- UBND xã Long Khánh, thị xã C, TG
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)